

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2025, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 377/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Khóm TK1, thị trấn TO, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: 1/ **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1968.

2/ **Mai Thị Cẩm H**, sinh năm 1974.

Người đại diện hợp pháp cho ông H: Bà Mai Thị Cẩm H, sinh năm 1974 đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/12/2024).

Cùng địa chỉ: Khóm Mỹ Trung, thị trấn TO, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị Cẩm H có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị N số tiền hui vốn 31.900.000đ lãi 3.100.000đ, tổng cộng vốn lãi 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định này cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ nộp 437.500đ (*Bốn trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) án phí nhưng miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị N do thuộc diện người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/16/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn H, bà Mai Thị Cẩm H có nghĩa vụ nộp 437.500đ (*Bốn trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện TO;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Trần Hoàng Phú